



Bài báo nghiên cứu

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC THIẾT KẾ HỆ THỐNG BÀI TẬP KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ CHO HỌC SINH LỚP 1, 2, 3 NGƯỜI JRAI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ IA HRUNG¹ TỈNH GIA LAI

Nguyễn Tiến Dũng*, Phạm Hải Lê, Lê Thị Thanh Thủy

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Tiến Dũng – Email: dungnt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 28-5-2024; Ngày nhận bài sửa: 24-10-2024; Ngày duyệt đăng: 04-3-2025

TÓM TẮT

Học sinh (HS) lớp 1-3 người Jrai ở xã Ia Hrunng thường mắc lỗi chính tả tiếng Việt do ảnh hưởng từ ngôn ngữ mẹ đẻ. Việc xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi là một giải pháp cần thiết và phù hợp với điều kiện địa phương nhằm cải thiện tình trạng này. Bài viết này đề cập đến cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả tiếng Việt cho HS lớp 1, 2, 3 dân tộc Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunng tỉnh Gia Lai. Các bài tập dựa trên khảo sát thực địa lỗi chính tả thường gặp của các em. Các lỗi này do ảnh hưởng và thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ. Đây là phần nghiên cứu quan trọng để thiết kế một hệ thống bài tập phù hợp với thực tiễn, hiệu quả và khả thi ở một địa phương. Các bài tập được xây dựng trên nền tảng lý thuyết về giao thoa ngôn ngữ, từ đó phân tích sự tác động của âm vị, hình vị và âm tiết tiếng Jrai đến việc viết tiếng Việt của học sinh. Việc tích hợp kiến thức ngôn ngữ học đối chiếu giúp hệ thống bài tập vừa mang tính khoa học vừa mang tính sư phạm cao.

Từ khóa: thiết kế; bài tập; Gia Lai; Ia Hrunng; dân tộc Jrai; lỗi chính tả

1. Đặt vấn đề

Từ trước đến nay, dạy tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số (DTTS) là một việc rất nan giải (Nguyen, 2012). Nhiều năm qua, trong quá trình học môn Tiếng Việt, HS người Jrai trên địa bàn tỉnh Gia Lai thường mắc nhiều lỗi chính tả, nhất là HS các lớp 1, 2, 3. Việc mắc lỗi chính tả tiếng Việt của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai ảnh hưởng rất lớn đến quá trình học môn Tiếng Việt các lớp tiếp theo và các môn học khác. Có nhiều nguyên nhân mắc lỗi nhưng nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ.

Để khắc phục thực trạng trên cần phải có những giải pháp hiệu quả và triệt để. Một trong những giải pháp đó là chữa lỗi chính tả thông qua hệ thống bài tập tiếng Việt. Mục tiêu

Cite this article as: Nguyen, T. D., Pham, H. L., & Le, T. T. T. (2026). Designing a corrective exercise system addressing spelling errors among Jrai students in grades 1 to 3 in Ia Hrunng commune, Gia Lai Province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(1), 38-48. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4297\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4297(2026))

¹ Trước khi sát nhập, địa bàn này thuộc xã Ia Der, huyện Ia Hrunng, tỉnh Gia Lai. Nay đổi thành xã Ia Hrunng.

của hệ thống bài tập này là góp phần cải thiện tình trạng mắc lỗi chính tả của HS người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrun, tỉnh Gia Lai và mở rộng các vùng có HS người Jrai. Để thiết kế hệ thống bài tập này, cần nghiên cứu sâu sắc cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề. Về cơ sở lí luận, cần khảo sát và nghiên cứu về tâm lí HS DTTS, nhất là HS người Jrai trong quá trình học tập nói chung, học tiếng Việt nói riêng, các phương pháp về dạy học tiếng Việt cho HS DTTS như ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ trong dạy học tiếng Việt, dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai, dạy tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ... Về cơ sở thực tiễn, cần khảo sát lỗi chính tả của HS lớp 1, 2, 3 của các trường tiểu học trên địa bàn xã Ia Hrun, tỉnh Gia Lai. Kết quả khảo sát với các số liệu cụ thể sẽ là cơ sở quan trọng để thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả cho đối tượng này.

Đối tượng nghiên cứu được đề cập trong bài báo là HS người Jrai từ lớp 1 đến lớp 3 trên địa bàn xã Ia Hrun tỉnh Gia Lai. Đây là nhóm HS thường mắc các lỗi phổ biến về chính tả tiếng Việt trên địa bàn.

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp khảo sát, thống kê, phân tích dữ liệu khảo sát. Các lỗi chính tả phổ biến sẽ được thống kê, phân loại và phân tích để xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng đối với HS người Jrai. Từ đó sẽ thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả phù hợp. Ngoài ra, còn sử dụng phương pháp quan sát, ghi chép, điền dã để theo dõi quá trình học tập và tiến bộ của HS người Jrai trong quá trình khảo sát, thực nghiệm.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lí luận của việc thiết kế hệ thống bài tập khắc phục lỗi chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3 người Jrai ở Gia Lai

2.1.1. Sự tương đồng và khác biệt của tiếng Jrai và tiếng Việt

Tiếng Jrai, một ngôn ngữ thuộc họ Nam Đảo (Austronesien). Tiếng Việt và tiếng Jrai có sự “giao thoa ngôn ngữ” (Tran, 2015) hay nói cách khác có những tương đồng và khác biệt sau đây.

- *Sự tương đồng*

Về loại hình, tiếng Jrai thuộc loại hình là các ngôn ngữ đơn lập, không thanh điệu, đa tiết và là ngôn ngữ có nhiều phụ âm, tổ hợp phụ âm. Về ngữ âm và chữ viết, tiếng Jrai có 25 phụ âm đầu (Ministry of Education and Training, 2020) trong đó, một số phụ âm đầu của tiếng Jrai có 17 hình thức chữ viết giống với tiếng Việt: bao gồm: /b/ (b, b̄), k/(k), /d/ (đ), /J/ (dj, j, y), /V/ (g), /h/ (h), /k^h/ (kh), /l/ (l), /m/ (m), /n/ (n), /ŋ/ (ng), /p/ (p), /p^h/ (ph), /z/ (r), /s/ (s), /t/ (t), /t^h/ (th). Tiếng Jrai cũng có 10 nguyên âm, trong đó có 9 nguyên âm giống với nguyên âm tiếng Việt: /i/ (i), /e/ (ê), /ɛ/ (e), /u/ (u), /ɔ/ (ơ), /a/ (a), /ã/ (ã), /u/ (u), /o/ (ô), /ɔ/ (o). Tiếng Jrai có 17 âm cuối, trong đó có 12 phụ âm đơn, hai bán nguyên âm /-u̯/, /-i̯/ và 3 tổ hợp /-u̯ʔ/, /-i̯ʔ/, /-i̯h/, bao gồm: /-p/ (-p), /-t/ (-t), /-c/ (c̣), /-k/ (k), /ʔ/, /-m/ (-m), /-n/ (-n), /-ŋ/ (ñ), /-ŋ/ (-ng), /-u̯/ (-o), /-i̯/ (-i), /-h/ (-h), /-l/ (-l), /-r/ (-r), /-u̯ʔ / (gã), /-i̯ʔ / (kũ). Tiếng Jrai có 153 vần (không kể vần mở) (People's Committee of Gia Lai province, 2011), trong

đó có 55 vần giống với vần tiếng Việt như: *ai, am, an, ang, em, en, eng, eo, ep, et, êm, ét, om, on, ong, op, ot...*

- *Sự khác biệt*

Về loại hình, tiếng Jrai là ngôn ngữ đa tiết, không có thanh điệu. Về chữ viết, tiếng Jrai còn có 5 chữ cái khác với tiếng Việt là *f, q, v, x, z*. Về phụ âm đầu, tiếng Jrai không có các phụ âm đầu quặt lưỡi như /t/ (tr), //z/ (r). Ngoài ra, tiếng Jrai còn có 36 các tổ hợp phụ âm đầu và chữ viết mà trong tiếng Việt không có: *bl, br, bh, b l, b r, ǎr, dj, djh, djr, dl, dr, đh, gl, gr, hl, hm, hn, hng, hñ, hr, hy, jr, kl, kr, ky, ml, mr, ñr, ngl, ngr, phr, pl, pr, sr, tl, djh, djr, phr...*

Về nguyên âm, tiếng Jrai không có âm /ɤ/(â) như tiếng Việt. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc HS Jrai khó đọc các âm tiết tiếng Việt có âm /ɤ/ (â). Về âm cuối, tiếng Jrai có những âm cuối mà tiếng Việt không có như: /-h/, /-l/, /-r/, /-uʔ/, /-iʔ/. Đặc biệt, tiếng Jrai không có âm cuối /-i/ viết bằng chữ *y* nên HS Jrai rất khó khăn trong việc phát âm các âm tiết tiếng Việt có âm này. Tiếng Jrai không có thanh điệu nhưng có dấu phụ (˘) trên một số nguyên âm để thể hiện nguyên âm ngắn hoặc âm cuối tắc họng. Khi người Jrai phát âm âm này gần giống âm tiết có thanh sắc trong tiếng Việt. Về vần, tiếng Jrai có những vần khác với tiếng Việt như: *ah, al, ar, ăk, eh, ek, iah, ố, oh, oih, uk, ul, ur...*

Những tương đồng và khác biệt về ngữ âm, chữ viết giữa tiếng Jrai và tiếng Việt ảnh hưởng khá nhiều đến viết chính tả của HS Jrai. Chúng tôi sẽ trình bày cụ thể ở phần nguyên nhân mắc lỗi chính tả của HS Jrai.

2.1.2. Tâm lí học sinh dân tộc Jrai trong quá trình học tiếng Việt

HS dân tộc Jrai đang đối mặt với nhiều thách thức khi học tiếng Việt. Đầu tiên, HS dân tộc Jrai thường học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai. Do việc học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai nên đòi hỏi các em phải học từ vựng mới, cấu trúc câu và nhất là cách phát âm, viết chữ hoàn toàn khác với tiếng mẹ đẻ. Điều này có thể gây ra tâm lí bất an và lo lắng trong khi học tiếng Việt. Tâm lí thường thấy của HS dân tộc Jrai là các em ngại giao tiếp, ngại nói tiếng Việt và rất nhút nhát khi phải tham gia các hoạt động trên lớp bằng tiếng Việt. Thứ hai, HS dân tộc Jrai, hay HS DTTS nói chung, thường có thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống hằng ngày nên tâm lí của các em luôn hướng về tiếng mẹ đẻ. *Các em chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ mà ít dùng tiếng Việt, nên ít quan tâm và không ghi nhớ đầy đủ các quy tắc chính tả tiếng Việt đã được học trong nhà trường.* Điều này làm cho việc học tiếng Việt của các em trở nên khó khăn hơn. Cụ thể, các em thường gặp khó khăn trong việc chuyển đổi giữa hai ngôn ngữ và tâm lí không tự tin khi phải sử dụng tiếng Việt. Biểu hiện rõ nhất là việc các em nói và viết chậm, do còn tư duy lựa chọn giữa từ ngữ tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Thứ ba, môi trường sử dụng tiếng Việt thường bị hạn chế. Các em ít có cơ hội thực hành và giao tiếp bằng tiếng Việt. Độ tuổi 6-8 của các em còn nhỏ nên ít được đi xa, chỉ quanh quẩn trong buôn làng nên các em ít có cơ hội giao tiếp tiếng Việt. Thực tế cho thấy, số giờ các em ở nhà giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ với ông bà, bố mẹ, dân làng nhiều hơn

rất nhiều so với thời gian nghe nói tiếng Việt ở thầy cô, bạn bè ở trường. Bên cạnh đó, các trường học ở các tỉnh miền núi nói chung, ở Tây Nguyên nói riêng, thường thiếu phương tiện truyền thông hiện đại. HS dân tộc Jrai không có cơ hội tiếp xúc với sách báo, tivi, Internet hoặc phương tiện truyền thông tiếng Việt. Điều này dẫn đến việc các em không thể phát triển kỹ năng nói và nghe tiếng Việt một cách tự nhiên.

Nói chung, tâm lí HS dân tộc Jrai ở các lớp đầu cấp tiểu học khá phức tạp gây khó khăn trong việc học tiếng Việt. Vì vậy giáo viên cần hiểu tâm lí các em để hỗ trợ các em trong quá trình học tập.

2.1.3. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về chính tả lớp 1, 2, 3

Về mục tiêu, trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, chính tả được xem có vai trò quan trọng trong việc dạy tiếng Việt cho HS cấp tiểu học. *Chương trình GDPT 2018 – Chương trình tổng thể* xác định năng lực sử dụng tiếng Việt của HS tiểu học là: “Biết viết đúng chính tả và ngữ pháp; viết được bài văn ngắn về các chủ đề quen thuộc (bằng chữ viết tay và đánh máy); điền được thông tin vào các mẫu văn bản đơn giản” (Ministry of Education and Training, 2018a). *Chương trình GDPT 2018 – Môn Ngữ văn* cũng xác định rõ mục tiêu dạy học tiếng Việt ở cấp tiểu học là: “Giúp HS bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản” trong đó xác định rõ mục tiêu “viết đúng chính tả” (Ministry of Education and Training, 2018b). Mục tiêu này được cụ thể hóa bằng mạch kiến thức tiếng Việt về “ngữ âm và chữ viết: âm, chữ, dấu thanh, quy tắc chính tả”. Cụ thể, ở lớp 1, HS được cung cấp kiến thức về: Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh; Quy tắc chính tả phân biệt: *c* và *k*, *g* và *gh*, *ng* và *ngh*; Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng. Ở lớp 2, HS được cung cấp kiến thức về: Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (*a*, *bê*, *xê*...) và âm (*a*, *bờ*, *cờ*...). Ở lớp 3, HS được cung cấp kiến thức về: Cách viết nhan đề văn bản (Ministry of Education and Training, 2018b).

Về yêu cầu cần đạt về chính tả của các lớp 1, 2, 3 trong Chương GDPT 2018 được thể hiện rất rõ. Cụ thể, ở lớp 1, yêu cầu HS viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); Biết viết chữ hoa. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ *c*, *k*, *g*, *gh*, *ng*, *ngh*. Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30-35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30-35 chữ trong 15 phút. Ở lớp 2, yêu cầu HS viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương. Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50-55 chữ, tốc độ khoảng 50-55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. Ở lớp 3, yêu cầu HS viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học. Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65-

70 chữ, tốc độ khoảng 65-70 chữ trong 15 phút. Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định (Ministry of Education and Training, 2018b).

Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về năng lực viết của Chương trình GDPT 2018 nêu trên là cơ sở quan trọng để thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả cho HS lớp 1, 2, 3.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc thiết kế hệ thống bài tập khắc phục lỗi chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3 người Jrai ở Gia Lai

2.2.1. Khảo sát và phân tích lỗi chính tả của học sinh lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunng tỉnh Gia Lai

Để tìm hiểu cơ sở thực tiễn, chúng tôi tiến hành khảo sát các lỗi chính tả thường gặp của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunng tỉnh Gia Lai. Chúng tôi chọn 2 trường tiểu học có số HS Jrai nhiều nhất, là địa phương có đông người Jrai Arap sinh sống, trong đó tiếng Jrai Arap là phương ngữ phổ biến của người Jrai. Việc nghiên cứu cơ sở thực tiễn này giúp cho chúng tôi có những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy. Đó là những số liệu cụ thể về thực trạng lỗi chính tả của HS lớp 1, 2, 3 trên địa bàn nghiên cứu. Những kết quả khảo sát từ cơ sở thực tiễn sẽ giúp chúng tôi xác định những bài tập khắc phục lỗi chính tả phù hợp với đối tượng nghiên cứu, số lượng và kiểu bài tập phù hợp.

Để nghiên cứu về lỗi chính tả của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai tại xã Ia Hrunng, tỉnh Gia Lai, chúng tôi tiến hành khảo sát 2 trường tiểu học trên địa bàn này. Đó là Trường Tiểu học Ngô Mây và Trường Tiểu học Lý Tự Trọng. Trường Tiểu học Ngô Mây có 1 điểm trường chính tại ở làng Breng 2 và 3 điểm trường lẻ tại làng Breng 1, 3 thuộc xã Ia Der. Trường Tiểu học Ngô Mây có 19 lớp, từ 1-5, với 508 HS, trong đó có 506 HS người Jrai. Trong đó, khối lớp 1 gồm 4 lớp với 105 HS (104 HS người Jrai), khối lớp 2 gồm 4 lớp với 94 HS (94 HS người Jrai), khối lớp 3 gồm 4 lớp với 94 HS (94 HS DTTS). Hầu hết HS lớp 1-3 ở độ tuổi 6-9, trong đó có 6 HS 9 tuổi (Ngô Mây Primary School, 2024).

Trường Tiểu học Lý Tự Trọng có 1 điểm trường chính tại trung tâm tại làng Blang 1 và 4 điểm trường lẻ thuộc xã Ia Der. Trường Tiểu học Lý Tự Trọng có 19 lớp, từ 1-5, với 578 HS, trong đó có 526 HS DTTS, hầu hết là người Jrai. Trong đó, khối lớp 1 gồm 4 lớp với 116 HS (109 HS người Jrai), khối lớp 2 gồm 4 lớp với 98 HS (86 HS người Jrai), khối lớp 3 gồm 3 lớp với 107 HS (91 HS DTTS). Hầu hết HS lớp 1-3 ở độ tuổi 6-10, trong đó có 19 HS 9 tuổi, 2 HS 10 tuổi (Ngô Mây Primary School, 2024).

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu phỏng vấn đối với giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL), gồm 24 phiếu, trong đó GV 18 phiếu, CBQL 06 phiếu.

Đối với HS, chúng tôi chọn 10 lớp để khảo sát, mỗi trường 5 lớp, từ lớp 1 đến lớp 3 ở các điểm trường khác nhau. Ở Trường Tiểu học Ngô Mây, chúng tôi chọn điểm trường làng Breng 1 và làng Breng 2. Ở Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, chúng tôi chọn điểm trường làng Ia Tông, làng Klăh 2 và làng Blang 1. Đây là những điểm trường có số người Jrai tập trung

đồng nhất. Số lượng lớp và bài khảo sát: Lớp 1: 1 lớp, gồm 25 bài; Lớp 2: 4 lớp gồm 95 bài; Lớp 3: 5 lớp gồm 116 bài.

Việc chúng tôi chọn các lớp ở các điểm trường khác nhau nhằm khảo sát toàn diện tình hình học tập chính tả của HS. Chúng tôi cũng chọn các lớp có giáo viên người Kinh và người Jrai để so sánh phương pháp, cách thức giảng dạy chính tả của các lớp này. Từ đó tìm ra những nguyên nhân mắc lỗi cũng như những ưu điểm, hạn chế của phương pháp dạy học chính tả ở đây. Ngoài ra, việc chọn số HS ngẫu nhiên trong các lớp như trên cũng cho kết quả chính xác, phản ánh thực trạng HS lớp 1, 2, 3 người Jrai mắc lỗi chính tả. Ở thời điểm khảo sát có điều kiện tương đương nhau về sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục... để làm rõ nguyên nhân mắc lỗi của đối tượng nghiên cứu.

2.2.2. Lỗi chính tả thường gặp của học sinh lớp 1, 2, 3 người Jrai xã Ia Hrun tỉnh Gia Lai

Từ kết khảo sát qua các bài viết chính tả của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai của 2 trường tiểu học đã nêu, chúng tôi thống kê được các lỗi như sau:

a. Lỗi thanh điệu

Lỗi về thanh điệu của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai thường rơi vào hai trường hợp: Viết không dấu thanh; Lẫn lộn thanh sắc và thanh nặng.

- Viết không dấu thanh

Đây là loại lỗi phổ biến của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai. Do tiếng Jrai không có thanh điệu nên HS đầu cấp khó phát âm những âm tiết có thanh điệu và thường phát âm không dấu. Từ việc phát âm không dấu các em viết chính tả cũng thiếu dấu hoặc không phân biệt được dấu thanh. Các em thường viết không dấu hoặc không phân biệt thanh hỏi/thanh ngã. Ví dụ: *thủy thủ* → *thuy thu*, *đúng đắn* → *đun đăn*, *ngả mũ* → *nga mu hoặc bậc cửa* → *bác cửa*, *khe khẽ* → *khe khẻ*, *bập bùng* → *bấp bùng*...

- Lẫn lộn thanh sắc và thanh nặng

Bên cạnh đó, các em cũng thường lẫn lộn thanh sắc và thanh nặng. Ví dụ: *chó mực* → *chó mức*, *đi học* → *đĩ hóc*, *con khỉ* → *con khỉ*, *ngạc nhiên* → *ngác nhiên*, *đại bàng* → *đái bàng*...

b. Lỗi phụ âm đầu

- Lẫn lộn *d/gi*

Trong tiếng Jrai, chữ *d* có cách đọc phức tạp. Chữ *d* không đọc là /d/ hoặc /z/ mà đọc gần như /td/. Do đó, khi HS Jrai gặp âm /z/ viết bằng chữ *d* trong tiếng Việt thì thường hay lúng túng, khó xác định được cách viết và thường lẫn lộn với *gi*. Ví dụ: *giày dép* → *dày dép*, *giác mơ* → *dác mơ*, *giảng bài* → *dảng bài*...

- Lẫn lộn *k/c*

HS người Jrai thường không phân biệt chữ *k/c* trong tiếng Việt, vì trong tiếng Jrai không có âm /k/ viết bằng chữ *c* mà chỉ có âm /k/ ghi bằng chữ *k*. Ví dụ: *ca hát* → *ka hát*, *di cư* → *di cư*, *cưa máy* → *kưa mái*, *canh chua* → *kanh chua*...

- Lẫn lộn *ch/ç*

Trong bộ chữ Jrai, âm /c/ được kí hiệu bằng chữ *č*. Do vậy, khi viết âm /c/, các em thường viết chữ *č* thay cho *ch*. Ví dụ: chữ viết → *čữ viết*, chàng trai → *čàng trai*, chiếc mai → *čiếc mai*...

- Lẫn lộn *nh/ñ*

Tiếng Jrai kí hiệu âm /ɲ-/ là *ñ*. Vì vậy, HS người Jrai thường lẫn lộn giữa âm /ɲ-/ (nh) và /n/ (n). Do vậy, khi viết âm /ɲ-/ (nh) tiếng Việt, các em thường viết *ch* thành chữ *ñ*. Ví dụ: *nhành cây* → *ñành cây*, *nhớ mong* → *ñớ mong*, *tự nhiên* → *tự ñiên*, *dàn nhạc* → *dàn ñạc*...

- Lẫn lộn *ng/ngh* và *s/x*

Ngoài những lỗi trên, HS người Jrai thường không phân biệt âm /ŋ-/ (ng/ngh); /s-/ (s) và /s-/ (x) trong tiếng Việt. Ví dụ: *ngiênng nghiêng* → *ngiên nghiên*, *lắng nghe* → *lắng nge*, *xuất sắc* → *xuất xắc*, *xung quanh* → *sung quanh*, *tiếng sóng* → *tiếng xóng*.

c. Lỗi âm đệm

Trong tiếng Jrai vẫn có âm đệm nhưng không nhiều cho nên khi học tiếng Việt các em viết thiếu âm đệm hoặc viết âm đệm thành âm chính.

- Viết thiếu âm đệm/viết âm đệm thành âm chính

Ví dụ: *trái xoài* → *trái xoi*, *nhà ngoài* → *nhà ngoi*, *chuỗi vàng* → *chũi vàng*, *loanh quanh* → *lanh quanh*, *hoàng đế* → *hòn đế*...

- Viết dư âm đệm

Trong một số trường hợp, các em lại viết dư âm đệm, ví dụ: *bản khoán* → *boãn khoán*, *lan truyền* → *loan truyền*...

d. Lỗi âm chính

- Lẫn lộn *â/ơ*

Do đặc trưng ngữ âm nên HS Jrai thường không phát âm được âm /ɛ/ (â). Khi đọc âm /ɛ/ (â), các em đọc thành /ɔ/ (ơ) và khi viết các em cũng viết chữ *â* thành chữ *ơ*. Ví dụ: *tờ giấy* → *tờ giới*, *thầy cô* → *thời cô*, *công nhân* → *công nhơn*, *vô tận* → *vô tợn*, *vâng dạ* → *vơng dạ*...

- Lẫn lộn *u/u, o/ô*

Các em thường đọc âm /u/ (ư) thành âm /u/ (u) và âm /ɔ/ (o) thành /o/ (ô) nên khi viết chữ *ư* thành chữ *u* và *ơ* thành *ô*. Ví dụ: *màn nhưng* → *màn nhưng*, *chức năng* → *chúc năng*, *hồ chứa* → *hồ chúa*, *tương ứng* → *tương úng*, *dòng sông* → *dông sông*, *song song* → *sông sông*, *lòng người* → *lông người*, *gỗ kiến* → *gỗ kiển*, *con thỏ* → *con thổ*...

- Lẫn lộn *ươ/ơ, uô/ô*

Những nguyên âm đôi cũng là nhóm âm mà học sinh Jrai thường viết sai chính tả, đặc biệt là các âm /uɤ/ và /uo/. Các em thường đọc âm /uɤ/ (ươ) thành /ɔ/ (ơ) nên viết *ươ* thành *ơ*. Ví dụ: *phần thưởng* → *phần thởng*, *khu vườn* → *khu vờn*, *hoa phượng* → *hoa phợng*, *lười biếng* → *lời biếng*, *chài lưới* → *chài lới*... Tương tự, các em thường đọc âm /uo/ thành /u/ nên viết *uô* thành *ô*. Ví dụ: *quả chuối* → *quá chúi*, *tuổi già* → *túi già*, *buổi sáng* → *búi sáng*...

e. Lỗi âm cuối

Trong tiếng Jrai, việc phát âm các âm cuối rất quan trọng. Qua âm cuối mà người nghe phân biệt âm tiết này với âm tiết khác.

- Lẫn lộn *i/y*

Lỗi về âm cuối thường thấy nhất là âm /-i/ viết bằng chữ *y*. Do không phát âm được âm cuối /-i/ viết bằng chữ *y* nên các em thường viết sai các âm tiết có chữ cái này. Ví dụ: *thầy giáo* → *thài giáo*, *tờ giấy* → *tờ giới*, *cấy lúa* → *côi lúa*, *đôi giày* → *đôi giài/dài*, *trông thấy* → *trông thới*, *máy bay* → *mái bai*...

- Lẫn lộn *nh/n, ng/n*

Trong tiếng Jrai có nhiều âm cuối không có trong tiếng Việt như /-h/, /-l/, /-r/ nên khi đọc và viết các âm cuối tiếng Việt các em thường lẫn lộn các phụ âm cuối /-n/ (*n*)/ /-ŋ/ (*ng*), /-ɲ/ (*nh*). Ví dụ: *học sinh* → *hóc sin*, *chúng mình* → *chúng mìn*, *tin thần* → *tin thân*, *trường lớp* → *trườn lớp*, *khoảng cách* → *khoản cách*, *thoang thoảng* → *thoan thoản*...

- Lẫn lộn *u/o*

Lỗi phổ biến của HS người Jrai về âm cuối là sự lẫn lộn giữa chữ *a* và *u* khi viết âm /-u/. Các em thường phát âm sai nên cũng viết sai. Ví dụ: *con cháu* → *con cháo*, *màu sắc* → *mào sắc*, *quý báu* → *quý báo*, *nấu ăn* → *náo ăn*, *sáu mươi* → *sáo mươi*...

Để hình dung một cách khái quát, chúng tôi thống kê các lỗi thường gặp của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunh tỉnh Gia Lai trong bảng phân loại sau đây.

Bảng 1. Bảng phân loại lỗi chính tả của HS lớp 1, 2, 3 người Jrai xã Ia Hrunh tỉnh Gia Lai

Các loại lỗi chính tả		Lớp 1 (Tỉ lệ)	Lớp 2 (Tỉ lệ)	Lớp 3 (Tỉ lệ)
Thanh điệu	Có dấu → không dấu			
	- huyền → không	64%	41,1%	37,1%
	- hỏi → không	44%	7,3%	
	- sắc → không		25,2%	4,3%
	- nặng → không		5,2%	0,9%
	Đổi thanh			
	- nặng → ngã;	8%	2,1%	
	- sắc → huyền;	4%		7,8%
	- nặng → huyền	4%	1,1%	1,7%
	- không → huyền		9,4%	
	- không → sắc		4,2%	
	- không → hỏi		3,1%	2,6%
	- huyền → sắc		9,4%	10,3%
- hỏi → ngã	4%			
- không → sắc	4%			
Phụ âm đầu	Lẫn lộn d / gi	8%	3,1%	2,6%
	Lẫn lộn k / c	4%	2,1%	3,5%
	Lẫn lộn ch / ă		1,1%	0,9%
	Lẫn lộn nh / ñ	4%		
	Lẫn lộn s / x	36%	3,1%	2,6%
	Lẫn lộn c / g	8%		
	Lẫn lộn tr / ch		1,1%	1,7%
Lẫn lộn ng / ngh		2,1%	1,7%	

Âm đệm	Thiếu âm đệm	4%		0,9%	
	Dư âm đệm	4%	1,1%	0,9%	
Âm chính	Lẫn lộn â / ơ	4%	3,1%	2,6%	
	Lẫn lộn ư / u	4%	2,1%		
	Lẫn lộn uô / ô	4%	3,1%	1,7%	
	Lẫn lộn iê / yê	4%	4,2%	0,9%	
	Lẫn lộn o / ô	4%	1,1%	3,5%	
	Lẫn lộn ă / a	4%	1,1%	14,7%	
	Lẫn lộn e / ê		3,1%	1,7%	
	Lẫn lộn o / a		4,2%	1 (0,9%)	
	Lẫn lộn o / â		1,1%	3 (2,6%)	
	Lẫn lộn ă / â		1,1%		
	Lẫn lộn a / ă		3,1%		
	Lẫn lộn uyê / uê		4,2%		
	Âm cuối	Lẫn lộn -i / -y	4%	5,2%	12,9%
		Lẫn lộn -nh / -n	4%		
Lẫn lộn -ng / -n		20%	5,2%	7,8%	
Lẫn lộn -u / -o		4%	5,2%	5,2%	
Thiếu âm cuối -u		4%	1,1%	0,9%	
Lẫn lộn -u / y		4%		0,9%	
Lẫn lộn -c / -t		4%	2,1%		
Lẫn lộn p / c			8,4%		

Kết quả khảo sát trên đây sẽ làm căn cứ để thiết kế hệ thống bài tập khắc phục lỗi chính tả cho HS lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunh tỉnh Gia Lai.

3. Kết luận

Cơ sở lí luận cho việc dạy học chính tả tiếng Việt được xác lập trên cơ sở xác định mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết trong hệ thống tiếng Việt. Trong đó, ngữ âm bao gồm hệ thống âm vị; chữ viết tương ứng là hệ thống chữ cái. Việc xác định mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết tiếng Việt sẽ là cơ sở lí luận quan trọng để xác định các nguyên tắc chính tả tiếng Việt và việc dạy chính tả ở tiểu học. Bên cạnh đó, việc so sánh đặc trưng ngôn ngữ Jrai và tiếng Việt giúp xác định sự tương đồng và khác biệt của hai ngôn ngữ nhằm phát hiện những lỗi và nguyên nhân mắc lỗi chính tả của HS dân tộc Jrai. Ngoài ra, việc nghiên cứu tâm lí của trẻ em Jrai ở độ tuổi này nhằm xác định những nguyên nhân chủ quan dẫn đến việc mắc lỗi chính tả và là cơ sở khoa học để thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả phù hợp với đối tượng HS lớp 1, 2, 3 dân tộc Jrai trong phạm vi nghiên cứu.

Qua cơ sở thực tiễn, chúng tôi xác định HS lớp 1, 2, 3 dân tộc Jrai xã Ia Hrunh tỉnh Gia Lai thường mắc những lỗi về thanh điệu, phụ âm đầu, âm đệm, âm chính và âm cuối (Bảng 1). Đó là những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, năng lực sử dụng tiếng Việt và ý thức, thói quen học tiếng Việt nói chung, học chính tả nói riêng của HS Jrai. Để khắc phục các lỗi chính tả này cần phải có những giải pháp hiệu quả và bền vững, trong đó cần có phương pháp, biện pháp đặc thù nhằm khắc phục lỗi chính tả phù hợp với các đối tượng và tình hình thực tế tại đây. Một trong các giải pháp mà chúng tôi đề xuất là thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả.

Việc thiết kế một hệ thống bài tập khắc phục lỗi chính tả cho các đối tượng trên một địa bàn rất cần sự nghiên cứu nghiêm túc về cơ sở lý luận và thực tiễn. Việc nghiên cứu này giúp cho quá trình thiết kế bài tập sát với đối tượng, đặc trưng ngôn ngữ và thực tiễn dạy học trên địa bàn. Từ đó các bài tập thiết kế sát với từng lỗi mắc phải của HS và giúp HS khắc phục được các lỗi này một cách hiệu quả. Vì thế, để thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả cho HS lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunng tỉnh Gia Lai, chúng tôi đã tập trung nghiên cứu về đặc trưng ngôn ngữ Jrai, nhất là về ngữ âm, so sánh với tiếng Việt để phát hiện ra sự tương đồng và khác biệt của chúng. Chúng tôi tiến hành so sánh tỉ mỉ hầu hết các yếu tố ngữ âm như thanh điệu, phụ âm đầu, âm đệm, âm chính và âm cuối nhằm xác định những nguyên nhân cơ bản khiến học sinh người Jrai mắc lỗi chính tả.

Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn ở trên là yêu cầu rất quan trọng và cần thiết để chúng tôi thiết kế bài tập khắc phục lỗi chính tả cho HS lớp 1, 2, 3 người Jrai trên địa bàn xã Ia Hrunng tỉnh Gia Lai.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2023.19.29.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ministry of Education and Training (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể [General education program – Overall program]*. Issued together with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training.
- Ministry of Education and Training (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông – Môn Ngữ văn [General education program – Literature]*. Issued together with Circular No.32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training.
- Ministry of Education and Training (2020). *Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái [General education program in Bahnar language, Cham language, Ede language, Jrai language, Khmer language, Mong language, Mnung language, Thai language]*. Issued according to Circular No. 34/2020/TT-BGDĐT dated September 15, 2020 of the Minister of Education and Training.
- Ngô Mây Primary School. (Ia Hrunng District, Gia Lai Province) (2024). *Student situation report for April 2024*.
- Nguyen, T. D. (2012). Một phương án dạy từ Hán Việt cho học sinh dân tộc thiểu số [A plan for teaching Sino-Vietnamese words for ethnic minority students]. *Journal of Teaching and Learning Today*, (6), 70–71.

- People's Committee of Gia Lai Province. (2011). *Về việc công bố bộ chữ cái và hệ thống âm vần tiếng Jrai; bộ chữ cái và hệ thống âm, vần tiếng Bahnar* [Regarding the publication of the Jrai alphabet and pronunciation system; Bahnar alphabet, sound system, and rhyme system]. Issued under Decision No. 30/2011/QĐ-UBND dated 28/202/201.
- Tran, H. Y. (2011). *Đạy tiếng Việt cho học sinh Jrai* [Teaching Vietnamese to Jrai students]. *Ethnic Education Magazine*, (74), 60–62.
- Tran, H. N. O. (2015). *Ảnh hưởng của sự giao thoa ngôn ngữ Việt-Jrai đến kỹ năng đọc tiếng Việt của học sinh tiểu học Jrai* [The impact of Vietnamese-Jrai language interference on the Vietnamese reading skills of Jrai ethnic primary school students]. *Journal of Science and Technology of Nang University*, 10(95), 45–48.

**DESIGNING A CORRECTIVE EXERCISE SYSTEM
ADDRESSING SPELLING ERRORS AMONG JRAI STUDENTS IN GRADES 1 TO 3
IN IA HRUNG COMMUNE, GIA LAI PROVINCE**

*Nguyen Tien Dung**, *Pham Hai Le*, *Le Thi Thanh Thuy*

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Tien Dung – Email: dungnt@hcmue.edu.vn*

Received: May 28, 2024; Revised: October 24, 2024; Accepted: March 04, 2025

ABSTRACT

Jrai ethnic minority students in Grades 1 to 3 in Ia Hrung Commune, Gia Lai Province, frequently encounter spelling errors of the Vietnamese language due to the influence of their mother tongue. Developing a system of corrective exercises is a necessary and contextually appropriate solution to address this issue. This paper discusses the theoretical and practical foundations for designing spelling exercises tailored for Jrai students in Grades 1 to 3 in Ia Hrung. The exercises are based on research identifying common orthographic errors, which stem largely from language interference and habitual use of the mother tongue. This study serves as an important step toward constructing a pedagogically effective, context-sensitive, and feasible exercise system. The exercises are grounded in theories of language interference, analyzing the phonological, morphological, and syllabic influences of Jrai on Vietnamese writing. By integrating contrastive linguistics, the proposed exercise system combines scientific rigor with high pedagogical relevance.

Keywords: design; exercises; Gia Lai; Ia Hrung; Jrai ethnic group; spelling errors